

Bản án số: **50/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/9/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và bà Trần Thị Thanh Xuân.

-Thư ký phiên toà: Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 280/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2022; Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thùy T, sinh năm 1995. Địa chỉ: 42 đường P, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Võ Văn Trường S, sinh năm 1988. Địa chỉ: 4/2/28 đường N, phường A, thành phố Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Ngô Thị Thùy T đều trình bày:

Chị T và anh Võ Văn Trường S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Huế vào ngày 11/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, anh S ít quan tâm đến vợ con, mặt khác không đưa tiền về phụ giúp gia đình từ thời điểm chị mang thai cho đến nay làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng chị đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa từ đầu 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T khai chị và anh S có 02 con chung là Võ Thị Mỹ N, sinh ngày 13/12/2017 và Võ Ngô Tuấn K, sinh ngày 06/01/2020, hiện đang ở với chị T. Cháu N mắc hội chứng tự kỷ, khó khăn trong việc nói và học còn cháu K thì

còn rất nhỏ, cả hai cháu đều cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ nên chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu N và K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị làm đại lý phân phối trứng gia cầm, thu nhập 25.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai cháu nên chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Võ Văn Trường S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân thì chị T khai như vậy là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau, không còn tình cảm với nhau và hay xảy ra xung đột trong gia đình. Hiện tại anh chị đã sống ly thân hơn hai năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin ly hôn thì anh thuận tình ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh S xác nhận vợ chồng anh có 02 con chung như chị T đã khai. Nếu ly hôn anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu Võ Thị Mỹ N và Võ Ngô Tuấn K vì điều kiện chăm sóc cháu của anh tốt hơn chị cả về tinh thần lẫn vật chất, thu nhập của anh ổn định 50.000.000 đồng/tháng, mặt khác anh có người thân làm điều dưỡng nên có thể nhờ cậy chăm sóc cháu N bị tự kỷ tốt hơn. Nếu giao hai con chung cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2022, bà Nguyễn Thị T (mẹ của chị Ngô Thị Thùy T) trình bày: Quá trình vợ chồng chị T anh S chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn do anh S sống rất gia trưởng và không quan tâm gì đến vợ con. Nay chị T xin ly hôn anh S thì bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh S để ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh Võ Văn Trường S, được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Văn Trường S đồng ý ly hôn với chị T và cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung hoặc giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Thị Mỹ N.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn ly hôn của chị Ngô Thị Thùy T. Cho chị T được ly hôn với anh Võ Văn Trường S; Về con chung: Giao cháu Võ Thị Mỹ N, sinh ngày 13/12/2017 và cháu Võ Ngô Tuấn K, sinh ngày 06/01/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T anh S không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không xem xét.

Buộc chị Ngô Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị Thùy T khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Võ Văn Trường S. Anh S có nơi cư trú: Số 4/2/28 đường N, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Văn Trường S và chị Ngô Thị Thùy T có quá trình chung sống với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Huế vào ngày 11/12/2017 (số 150, năm 2017). Như vậy, hôn nhân giữa anh S và chị T là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thùy T, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn cương quyết ly hôn với anh S, phía anh S cũng đã đồng ý ly hôn với chị T. Nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh S có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn. Do đó, Hội

đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của hai bên, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh S.

[2.3] Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là cháu Võ Thị Mỹ N, sinh ngày 13/12/2017 và cháu Võ Ngô Tuấn K, sinh ngày 06/01/2020, hiện cả hai cháu đang ở với chị T.

Xét yêu cầu của chị Tg có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N và cháu K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy chứng nhận của bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế thể hiện cháu Võ Thị Mỹ N “*mắc chứng tự kỷ ở trẻ em, dạng khuyết tật khó khăn về nói và học, cần được tiếp tục phục hồi chức năng tại gia đình và cộng đồng*”, cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi, kể từ thời điểm vợ chồng anh S và chị T sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay thì các con chung đều do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do cháu Ngọc đang mắc bệnh và cháu K đang còn nhỏ nên cần sự trông nom, chăm sóc chu đáo, cẩn trọng, đặc biệt để các cháu phát triển tốt, do đó cần giao các cháu cho chị T trực tiếp tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với hoàn cảnh khách quan, không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý và quá trình điều trị bệnh của cháu N.

Đối với ý kiến của anh S về việc trực tiếp chăm sóc hai con chung sau khi ly hôn, thấy rằng: Hiện nay anh S không trực tiếp chăm sóc các con, anh Sơn cũng không chứng minh được việc thường xuyên hỗ trợ vật chất, tinh thần hoặc thăm nom nuôi dưỡng các con; tại biên bản xác minh ngày 17/7/2022 tại Công an phường A, thành phố Huế có nội dung: “*Anh Sơn có hộ khẩu tại 4/2/28 Ngụu Bình, phường A, thành phố Huế nhưng thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi có mặt nhà*”. Tại phiên tòa, anh S giao nộp “*Đơn xin xác nhận công tác và mức lương*” có xác nhận của công ty thức ăn chăn nuôi Alpha, nhưng không có chữ ký, họ tên của người làm đơn là không đúng quy định của pháp luật. Như vậy thể hiện anh Sơn chưa đảm bảo điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên không có cơ sở để chấp nhận. Sau này anh S có quyền thay đổi quyền nuôi con nếu đảm bảo các điều kiện tốt nhất để các cháu phát triển lành mạnh.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Do chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh S chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh S xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Do anh S, chị T tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn nên anh S chị T phải chịu 50% án phí (mỗi người 25% án phí). Chị T tự nguyện nộp thay anh S.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Ngô Thị Thùy T đối với anh Võ Văn Trường S về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Thùy T và anh Võ Văn Trường S.

2. Về con chung: Giao hai cháu Võ Thị Mỹ N, sinh ngày 13/12/2017 và cháu Võ Ngô Tuấn K, sinh ngày 06/01/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Anh S chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh S xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 150.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số **0003265** ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả cho chị Trang 150.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

